

PHỤ LỤC 1A: DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, CẤU HÌNH KỸ THUẬT CƠ BẢN VÀ TỶ LỆ TIÊU HAO THÔNG THƯỜNG
(Kèm theo Thư mời chào giá số 196 ngày 19/02/2025)

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
1	Băng (đạn) ghim khâu máy cắt nối tự động nội soi	Cái	360	Băng (đạn) ghim khâu máy cắt nối tự động nội soi.. Băng ghim dài 45mm, có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, ghim bằng Titan, băng ghim gấp góc 5 điểm và 45 độ mỗi bên. Cung cấp lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn.
2	Băng chỉ thị nhiệt hấp ẩm	Cuộn	240	Băng keo chỉ thị nhiệt với vạch mực chuyển màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn hay chưa. Dùng cho chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121 độ C và 132-134 độ C. Thông số "đạt" khi chỉ thị chuyển sang màu nâu đen với nhiệt độ 121±3 độ C trong thời gian 3-10 phút hoặc nhiệt độ 134 ±3 độ C trong thời gian 30 giây-2 phút; lực dính : 8N /25mm; không chứa chì; Kích thước : 19mm x 50m
3	Băng cuộn các cỡ	Cuộn	70.000	Vải dệt hút nước 100% Cotton. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001:2015.
4	Băng dính cá nhân	Miếng	300.000	Kích thước: 2cm x 6cm. Sợi vải đàn hồi, (thành phần: sợi nền miếng gạc bằng Viscose, sợi nền miếng băng bằng vải polyamide) Keo oxid kẽm, miếng gạc có phủ lớp chống dính polyethylene, đảm bảo lực dính tối thiểu 2,2 N/cm. tiêu chuẩn CE
5	Băng dính dán phẫu thuật các cỡ	Miếng	30.000	Được làm từ vải không dệt. Băng dính chống dị ứng không để lại tồn dư khi bóc. Mềm và thoáng khí, khả năng bám dính tốt, không gây đau, dễ tháo băng tay.
6	Băng dính lụa 5cm x 5m	Cuộn	42.000	Kích thước: 5cm x 5m. Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, đan dệt khoảng ≥44.0 x 19.5 sợi/cm. Lớp keo Oxide kẽm. Lõi nhựa liền với cánh bảo vệ. Tiêu chuẩn CE.
7	Băng ghim nội soi	Cái	96	Băng ghim cắt khâu dùng cho mổ nội soi ghim chất liệu titanium nguyên chất (Titanium type F67 grade 1). Chiều dài băng ghim: 30mm, 45mm, 60mm có 45, 66, 90 ghim. Băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mạch máu và mô mỏng hoặc băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mô trung bình/ dày 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lần lượt từ ngoài vào trong là 3mm- 2.5mm- 2mm hoặc 4mm- 3.5mm- 3mm; Chiều cao ghim đóng là 1.25mm-1mm-0.75mm hoặc 1.75mm- 1.5mm- 1.25mm. Khoảng đóng mô là 1.5mm- 0.88mm hoặc 2.25mm- 1.5mm. Băng ghim tương thích dụng cụ có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gấp góc cố định mỗi bên. Băng ghim kèm lưỡi dao. Bề mặt khay chứa ghim dạng bậc thang. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
8	Băng thun	Cuộn	750	Băng thun y tế 3 móc 10cm x 5,5m (độ dài kéo giãn). Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân.... • Độ bền kéo theo chiều dài cuộn: ≥ 400 N • Độ giãn dài tại thời điểm lực lớn nhất: ≥ 400% • Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu. • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. • Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng.
9	Băng thun co giãn 10cm x 4,5m	Cuộn	100	Kích thước: 10cm x 4,5m, lực dính 2-9 N/cm, co giãn ≥ 90%, Keo hỗn hợp nóng Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Có ít nhất 01 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại Điều 29 Nghị định 98/NĐCP - ISO 11737-1 hoặc tương đương
10	Bộ catheter tĩnh mạch rốn 2 lòng	Cái	780	Catheter mạch rốn 2 lòng dùng: Truyền các loại thuốc không tương hợp, truyền thuốc và truyền dinh dưỡng cùng lúc. Đóng gói: -01 catheter chất liệu PUR: + Dài 20cm + Cờ 4Fr Thể tích mỗi dịch 2x0.26ml + Tốc độ truyền ≥1 lml/ phút

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
11	Bộ dây truyền dịch có màng lọc	Bộ	150.000	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 14\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1700\text{mm}$. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 6591-4: 2008, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 14001:2015, EN ISO 13485 hoặc tương đương
12	Bơm tiêm dùng cho máy bơm tiêm điện tự động, đầu xoắn 50ml	Cái	90.000	Xylanh làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, đốc xylanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện, gioăng mềm dẻo, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bít piston. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Pittông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 1\text{ml}$ để tiện sử dụng cho trẻ em. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn tiệt trùng
13	Bơm tiêm sử dụng một lần 10 ml	Cái	500.000	Xylanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Có thang chia dung tích hút $\leq 12\text{ml}$, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2\text{ml}$. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN , ISO 14001:2015, EN ISO 13485
14	Bơm tiêm sử dụng một lần 1ml	Cái	151.200	Xylanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 14001:2015, EN ISO 13485
15	Bơm tiêm sử dụng một lần 20ml	Cái	420.000	Xylanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN EN ISO 13485
16	Bơm tiêm sử dụng một lần 3ml	Cái	12.000	Xylanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 14001:2015, EN ISO 13485
17	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	Cái	900.000	Xylanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 14001:2015, EN ISO 13485 và tương đương.
18	Bóng đèn Hồng ngoại	cái	114	Công suất cực đại 220V/50Hz- 250W

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
19	Bông ép sọ não 1,5cm x 5cm	Miếng	5.000	Đóng gói bằng 2 lớp, 1 lớp bằng PE, 1 lớp bằng túi ép tiệt trùng. Túi ép có màu chỉ thị. Được tiệt trùng bằng khí EO Gas. Thành phần: Nguyên liệu bông 100% cotton. Không có hóa chất tẩy trắng. Độ ẩm không quá 8%. Độ Acid và độ kiềm đạt trung tính, không có tinh bột hoặc Dextrin, các chất tan trong nước không quá 0,5%. Kích thước 1,5cm x 5cm.
20	Bông lót các cỡ	Cuộn	20.000	Làm từ chất liệu bông không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng, 1 cuộn chiều dài = 365cm
21	Bông y tế cắt miếng 2cmx2cm	Túi	4.000	Được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Bông được cắt thành miếng nhỏ kích thước 2cm x 2cm đồng đều về kích thước và trọng lượng. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Được đóng kín trong bao PE in đầy đủ thông tin về sản phẩm. Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây. Độ ẩm: ≤ 8% độ acid và độ kiềm. Hàm lượng chất béo không vượt quá 0,5%.
22	Bông y tế không thấm nước	Kg	20	Được làm từ 100% bông xơ tự nhiên, màu vàng, không thấm nước (bông không hút nước).
23	Bông y tế thấm nước 1kg	Kg	350	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị to và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc. Không độc tố, không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước: ≤ 5 giây. Độ ẩm: ≤ 8% độ acid và độ kiềm. Hàm lượng chất béo không vượt quá 0,5%
24	Bóp bóng giúp thở (Ambu)	Cái	300	Chất liệu: nhựa dùng trong y tế. Bao gồm: Bóp bóng, mặt nạ, dây dẫn oxy, dùng cho người lớn
25	Bơm cho ăn 50ml	Cái	38.400	Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 14001:2015, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên do bên thứ 3 cung cấp)
26	Bột bó các cỡ	Cuộn	18.000	Nguyên liệu: được làm bằng sợi vải cotton và thạch cao. Tiệt trùng. Đóng gói: 1 cuộn/túi. Thời gian đông cứng của sản phẩm là từ trên 2 phút và không nhiều hơn 15 phút. Kích thước của sản phẩm. Thời gian sử dụng của sản phẩm là ≥ 3 năm kể từ ngày tiệt trùng. Đạt TC ISO 13485:2016...
27	Canuyn mayo	Cái	4.500	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố và không gây kích ứng. Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng.
28	Canuyn mở khí quản	Cái	960	Được làm bằng nhựa PVC không gây độc. Có bóng, cong 90 độ. Đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Không có cao su. Sử dụng 1 lần. Có các cỡ từ 5.0 đến 9.0.
29	Catheter nuôi ăn tĩnh mạch trung tâm đặt từ đường ngoại biên cỡ 28G	Cái	4.000	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. Đóng gói: 01 catheter chất liệu PUR + cỡ 1Fr + dài 20 cm + Tốc độ truyền dịch ≥ 0.7ml/phút + Thể tích mỗi dịch ban đầu 0.09ml + 01 kim dẫn đường cỡ 24G
30	Catheter nuôi ăn tĩnh mạch trung tâm từ tĩnh mạch ngoại biên cho trẻ sơ sinh thiếu tháng, cỡ 1Fr	Cái	1.200	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. Đóng gói: 01 catheter chất liệu PUR + Cỡ 1Fr + Dài 20 cm + Tốc độ truyền dịch ≥ 0.7ml/phút + Thể tích mỗi dịch ban đầu 0.09ml

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
31	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Cái	150	Kích thước 14G x 20cm, lưu lượng nòng 120ml/min. Catheter chất liệu TPU (Thermoplastic Polyurethanes) tự động làm mềm dưới nhiệt độ 37°C, tính tương hợp cao. Một bộ gồm: Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang rõ nét, 1 Kim dẫn đường chữ Y, cỡ 18GA, Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032"x 60cm, có nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol) đầu chữ J, Ống nong cỡ 8Fr, 1 bơm tiêm 5ml, 1 lưỡi dao mổ, 1 kẹp, 1 kim tiêm nhỏ, 1 tếp chỉ. Tiệt trùng bằng khí EO. Có chứng nhận chất lượng CE hoặc tương đương
32	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Cái	1.260	Kích thước 7Fr x 20cm, lưu lượng các nòng Distal: 85ml/min, Proximal: 45ml/min. Catheter chất liệu TPU (Thermoplastic Polyurethanes) tự động làm mềm dưới nhiệt độ 37°C, tính tương hợp cao. Một bộ bao gồm: Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang rõ nét, 1 Kim dẫn đường chữ Y, cỡ 18GA, Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032"x60cm, nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol) đầu chữ J, Ống nong cỡ 8Fr, 1 bơm tiêm 5ml, 1 lưỡi dao mổ, 1 Kẹp, 1 kim tiêm nhỏ. Tiệt trùng. Có chứng nhận chất lượng CE hoặc FDA hoặc tương đương
33	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Bộ	2.400	Kích thước 7Fr x 20cm, lưu lượng các nòng Distal: ≤52ml/min, Proximal: 26ml/min, Midial: 26ml/min. Catheter chất liệu TPU (Thermoplastic Polyurethanes) tự động làm mềm dưới nhiệt độ 37 ° C, tính tương hợp cao. Bao gồm: Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, đường cân quang rõ nét. Kim dẫn đường chữ Y, cỡ 18GA , Dây dẫn hướng Guide wire ≥0.032"x60cm, nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ, đầu chữ J, Ống nong cỡ 8Fr , 1bơm tiêm 5ml, 1 lưỡi dao mổ, 1 kẹp giúp cố định ống Catheter, 1 kim tiêm nhỏ. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016
34	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn 3,5Fr	Cái	3.300	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: 01 catheter chất liệu PVC + Dài 37cm, cỡ 3.5 Fr + Tốc độ dòng truyền dịch ≥ 6ml/ phút
35	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn 4Fr	Cái	2.300	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: 01 catheter chất liệu PVC + Dài 37cm, cỡ 4 Fr +Tốc độ dòng truyền dịch ≥16ml/ phút
36	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn cỡ 5Fr	Cái	800	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: 01 catheter chất liệu PVC + Dài 37cm, cỡ 5 Fr +Tốc độ dòng truyền dịch ≥31ml/ phút
37	Chỉ choromic catgut số 1	Sợi	4.320	Chỉ tiêu Catgut Chromic số 1, chỉ dài ≥ 75cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài 40 mm. Là chỉ tự tiêu được cấu tạo từ muối Chrom và collagen có nguồn gốc từ bò hoặc ruột cừu. Chỉ vẫn còn sức căng sau 21 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 52 đến 76 ngày. Khi sử dụng trong tổ chức mô đã bị nhiễm trùng hoặc tổ chức mô có nhiều Proteolytic enzyme (như dạ dày, cổ tử cung, âm đạo) thì chỉ sẽ tự tiêu nhanh hơn. Chỉ có màu nâu đen và khả năng gây dị ứng trung bình. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương
38	Chỉ lạnh	Cuộn	120	Chỉ lạnh được làm 100% bằng sợi cotton, khả năng gây dị ứng cho người sử dụng ít.
39	Chỉ Nylon 10/0	Sợi	600	Chỉ khâu mắt sợi đơn Nylon 10-0 màu đen, dài ≥ 30cm. Hai kim tiết diện hình thang chiều dài 6.2mm, đường kính 0.15mm, độ cong 3/8. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone. Có chứng nhận chất lượng CE hoặc tương đương
40	Chỉ nylon 2/0	Sợi	12.000	Chỉ nylon không tiêu số 2/0, chỉ dài ≥ 75cm, màu xanh. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 26mm. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiệt trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Chỉ có hai màu xanh và đen (Chỉ màu xanh được sử dụng để khâu da, phẫu thuật tổng hợp, dạ dày, sản khoa, phụ khoa, phẫu thuật tạo hình và chỉnh hình); Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
41	Chỉ nylon 3/0	Sợi	24.000	Chỉ nylon không tiêu số 3/0, chỉ dài ≥ 75 cm, màu xanh. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 24mm. Là Chỉ đơn sợi, không tiêu, tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Chỉ có hai màu xanh và đen. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
42	Chỉ nylon 4/0	Sợi	24.000	Chỉ nylon không tiêu số 4/0, chỉ dài ≥ 75 cm, màu xanh. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 19mm. Thành phần được làm từ polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi rất tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Chỉ có hai màu xanh và đen (Chỉ màu xanh được sử dụng để khâu da, phẫu thuật tổng hợp, dạ dày, sản khoa, phụ khoa, phẫu thuật tạo hình và chỉnh hình). Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
43	Chỉ nylon 5/0	Sợi	9.000	Chỉ nylon không tiêu số 5/0, chỉ dài ≥ 75 cm, màu xanh. Đầu kim tam giác, độ cong 3/8 vòng tròn, kim dài 16mm. Thành phần polyamide 6.0 và polyamide 6.6, chỉ có độ đàn hồi tốt, bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Chỉ có hai màu xanh và đen (Chỉ màu xanh được sử dụng để khâu da, phẫu thuật tổng hợp, dạ dày, sản khoa, phụ khoa, phẫu thuật tạo hình và chỉnh hình). Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
44	Chỉ nylon 6/0	Sợi	6.000	Chỉ không tan tổng hợp nylon số 6/0 thành phần polyamide 6.0 hoặc 6.6, chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8C dài 12mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim chất liệu thép 300, 302 được phủ silicone. Có chứng nhận chất lượng CE hoặc tương đương.
45	Chỉ nylon số 1	Sợi	1.200	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 1, chỉ dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8C 40mm. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Có chứng nhận chất lượng CE hoặc tương đương.
46	Chỉ Pecton	Cuộn	120	Chỉ Pecton là loại chỉ không tiêu. Có chứng nhận chất lượng CE hoặc tương đương.
47	Chỉ Polypropylene số 3/0	Sợi	900	Chỉ không tiêu Polypropylene số 3/0, sợi chỉ dài ≥ 90 cm. Đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Gồm 2 kim, kim dài 26mm, 1/2 vòng tròn, kim tròn đầu cắt taper, chất liệu thép không gỉ chất lượng cao với bề mặt sợi chỉ mượt và mịn dễ dàng xuyên qua các tổ chức mô và có khả năng cố định vết thương lâu. Chỉ màu xanh lam và khả năng gây dị ứng rất thấp. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
48	Chỉ Polypropylene số 4/0	Sợi	600	Chỉ không tiêu Polypropylene số 4/0, sợi chỉ dài ≥ 90 cm. Đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Gồm 2 kim, kim dài 22mm, 1/2 vòng tròn, kim tròn đầu cắt taper, chất liệu thép không gỉ chất lượng cao với bề mặt sợi chỉ mượt và mịn dễ dàng xuyên qua các tổ chức mô và có khả năng cố định vết thương lâu. Chỉ màu xanh lam và khả năng gây dị ứng rất thấp. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
49	Chỉ Polypropylene số 6/0	Sợi	720	Chỉ không tiêu đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene. Chỉ số 6/0, dài ≥ 75 cm, 2 kim tròn đầu nhọn 13mm, kim cong 3/8 vòng tròn, kim được phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim. Lực khỏe của chỉ không có sự thay đổi đáng kể khi lưu giữ trên invivo. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
50	Chỉ Polypropylene số 7/0	Sợi	1.440	Chỉ không tiêu đơn sợi, màu xanh, chất liệu Polypropylene. Chỉ số 7/0, dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn đầu cắt 9mm, kim cong 3/8 vòng tròn, kim được phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim. Lực khỏe của chỉ không có sự thay đổi đáng kể khi lưu giữ trên invivo. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
51	Chỉ thép liên kim	Sợi	360	Chỉ thép dài 4 sợi dài 45cm kim 1/2 kim tròn đầu cắt vòng kim 48mm. Đóng gói chất liệu tối thiểu bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim được làm tối thiểu từ thép 300, 302 phủ silicone. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương.
52	Chỉ tiêu đa sợi Polyglycolic acid số 1	Sợi	36.000	Chỉ tự tiêu Polyglycolic Acid số 1, Chỉ dài ≥ 90 cm. Kim tròn dài 40mm cong 1/2. Tiết trùng Polyglycolic Acid, thành phần gồm 100% Glycolide. Bề mặt sợi chỉ được tráng 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Sau 14 ngày cấy ghép sức căng còn khoảng 84% và sau 28 ngày sức căng còn 23%. Chỉ sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Khả năng gây dị ứng rất thấp. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
53	Chỉ tiêu đa sợi Polyglycolic acid số 2/0	Sợi	24.000	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglycolic acid số 2/0, chỉ dài ≥ 70 cm. Kim tròn, kim dài 26mm, độ cong 1/2 vòng tròn. Là loại Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi, tiết trùng, thành phần gồm 100% Glycolide. Bề mặt sợi chỉ được tráng 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Sau 14 ngày cấy ghép sức căng của chỉ còn khoảng 84% và sau 28 ngày sức căng còn 23%. Chỉ sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Khả năng gây dị ứng rất thấp. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
54	Chỉ tiêu đa sợi Polyglycolic acid số 3/0	Sợi	9.000	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 3/0, Chỉ dài ≥ 75 cm. Kim tròn dài 26mm cong 1/2. Thành phần gồm 100% Glycolide. Bề mặt sợi chỉ được tráng 1 lớp tổng hợp Polyglycaprolactone và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Sau 14 ngày cấy ghép sức căng của chỉ còn khoảng 84% và sau 28 ngày sức căng còn 23%. Chỉ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Khả năng gây dị ứng rất thấp. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
55	Chỉ tiêu đơn sợi Glyconate số 3/0	Sợi	14.400	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 3/0, chỉ dài ≥ 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim làm bằng hợp kim AISI 304 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo đứt $28.66N$. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng nhôm, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE+PP giúp chống rơi chỉ. Có chứng nhận chất lượng CE hoặc tương đương.
56	Chỉ tiêu đơn sợi Glyconate số 4/0	Sợi	14.400	Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 4/0, chỉ dài ≥ 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM F899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo đứt $20.75N$. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng nhôm, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE+PP giúp chống rơi chỉ. Có chứng nhận chất lượng CE hoặc tương đương.
57	Chỉ tiêu nhanh Polyglycolic acid số 2/0	Sợi	18.000	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi polyglycolic acid số 2/0, chỉ dài ≥ 90 cm. Kim tam giác, kim dài 37mm, độ cong 1/2 vòng tròn. Là loại Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi, tiết trùng, thành phần gồm 100% Glycolide. Bề mặt sợi chỉ được tráng 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Sau 14 ngày cấy ghép sức căng của chỉ còn khoảng 84% và sau 28 ngày sức căng còn 23%. Chỉ sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Khả năng gây dị ứng rất thấp. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
58	Chỉ tiêu 910 số 4/0 Polyglycolic acid	Sợi	9.000	Chỉ tiêu Polyglycolic 910 số 4/0, chỉ dài ≥ 75 cm. Kim tròn, độ cong 1/2 vòng tròn, kim dài 17mm. Là loại chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, tiết trùng, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi một lớp tổng hợp của Poly(glycolid-co-Lactid) và Calcium stearate. Chỉ mất sức căng và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Sau hai tuần cấy ghép sức căng của chỉ còn khoảng 75% và sau bốn tuần còn 25%. Chỉ sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 72 ngày. Khả năng gây dị ứng rất thấp. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
59	Chỉ tiêu 910 số 5/0 Polyglycolic acid	Sợi	5.400	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 5/0, chỉ dài ≥ 75 cm, kim tròn đầu nhọn 17mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Kim làm bằng hợp kim, được phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim. Lực căng giữ vết thương 80% sau 14 ngày, 30% sau 21 ngày. Chỉ tiêu hoàn toàn sau 56-70 ngày. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
60	Chỉ tiêu 910 số 6/0 Polyglycolic acid	Sợi	3.600	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần Polyglycolic acid cấu tạo từ Lactomer, bao phủ bằng copolymer của Caprolacton/ glycolide/ calcium stearoyl lactylate. Chỉ số 6/0, chỉ dài ≥ 45 cm, kim tròn đầu nhọn 12mm, kim cong 1/2 vòng tròn. Kim làm bằng hợp kim, được phủ silicon giúp tăng độ sắc bén và giảm thiểu tình trạng ăn mòn của kim. Lực căng giữ vết thương 80% sau 14 ngày, 30% sau 21 ngày. Chỉ tiêu hoàn toàn sau 56-70 ngày. Có chứng nhận chất lượng CE hoặc FDA hoặc tương đương.

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
61	Chỉ tiêu Polyglactine 910 số 7/0	Sợi	180	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly- glycolide-co-L-Lactide và calcium stearate số 7/0, chỉ dài $\geq 45\text{cm}$, 2 kim tiết diện hình thang (cutting spatula double armed) kim 1/2C dài 8mm duy trì sức căng $> 65\%$ sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không rỉ 300, 302 sợi cứng, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang, kim phủ silicone. Có chứng nhận chất lượng CE hoặc tương đương.
62	Clip cầm máu nội soi tiêu hóa các cỡ	Cái	660	Kẹp cầm máu dùng một lần, dùng để cầm máu dạ dày, đại tràng, đánh dấu nội soi, đóng tổn thương đường tiêu hóa có kích thước nhỏ. Đường kính ống ngoài 2,6mm. Phù hợp với ống soi có đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2,8mm. Độ dài ngàm: 7,5mm hoặc 9mm. Chiều dài làm việc: 1650mm hoặc 2300mm. Loại tay cầm lắp sẵn, xoay được.
63	Clip cầm máu titan	Cái	1.500	Clip kẹp mạch máu titan cỡ M L. Clip hình chữ V có cấu tạo rãnh đặc biệt hình tim, ngăn ngừa vỡ mạch máu và chống tuột khi phẫu thuật. Cấu tạo vi giúp người dùng dễ dàng lấy clip. Cỡ M L: chiều rộng 5.33mm, chiều cao 7.51mm, chiều dài clip khi đóng 9.27mm. Có chứng nhận chất lượng FDA hoặc tương đương.
64	Clip kẹp mạch máu Polymer các cỡ	Cái	8.790	Clip kẹp mạch máu chất liệu polymer không tiêu, không dẫn điện, không dẫn nhiệt và không ảnh hưởng đến CT, MRI và X-quang. Cơ chế kẹp lạnh giúp cầm máu an toàn và gai dọc thân clip với chân bám 360 độ chống trượt. Các cỡ M, ML, L, XL. Cỡ M kẹp mạch từ 2-7mm, L kẹp mạch từ 3-10mm, L kẹp mạch từ 5-13mm, XL kẹp mạch từ 7-16mm.
65	Cồn 96°	Chai	90.000	Ethanol 99,9%, Dung dịch trong suốt không màu, có mùi đặc trưng
66	Cồn 70 độ	Lít	6.000	Dung dịch trong, không vẩn đục, mùi cồn đặc trưng. Dùng trong y tế. Nồng độ Ethanol 70%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đóng trong chai hoặc can 1-5 lít
67	Cồn tuyệt đối	Lít	3.300	Công thức: $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$ hoặc $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ Ethanol tuyệt đối (Cồn tuyệt đối), là loại cồn có nồng độ lên đến 99.5% hay 99.8% ở nhiệt độ tiêu chuẩn (1 lít / 1 chai)
68	Cồn y tế 90 độ	Chai	900	Thành phần: Ethanol 90% trong suốt không màu, có mùi đặc trưng. Chai $\geq 500\text{ml}$.
69	Đầu côn 1000 μl	Cái	115.500	Đầu côn xanh: Dung tích 1000 μl , làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Được thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.
70	Đầu côn 200 μl	Cái	294.000	Đầu côn vàng dung tích 200 μl , làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.
71	Dầu parafin	Chai	150	Dầu parafin, được đóng chai ở dạng dung dịch lỏng trong, không màu, không mùi.
72	Dầu thử đường huyết	Cái	36.000	Sử dụng men Glucose oxidase (GOD) và peroxidase (POD). Dải đo đường huyết: từ $\leq 20\text{ mg/dL}$ đến $\geq 600\text{ mg/dL}$ hoặc từ $\leq 1.1\text{ mmol/L}$ đến $\geq 33.3\text{ mmol/L}$. Dải đo Hematocrit $\leq 20\%$ đến $\geq 60\%$
73	Dây garo có dính	Cái	3.780	Sản phẩm được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt. Có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác hoặc có khóa nhựa. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần. Sản phẩm có độ co giãn tốt, các góc cạnh không được sắc, cứng gây trầy xước da, dị ứng, làm sưng rát, đỏ đau trong quá trình sử dụng.
74	Dây hút dịch 4 mét tiết trùng	Cái	12.000	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 4m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiết trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn đo bên thứ 3 cung cấp)
75	Dây hút đờm	Cái	150.000	Các cỡ 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài $\geq 55\text{cm}$. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các cỡ, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiết trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiết trùng EN EN ISO 13485 Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014
76	Dây nối bơm tiêm điện các cỡ	cái	57.600	Chất liệu PVC y tế trong suốt, không độc tố. Kích thước I.D 1.0mm, O.D 2.0mm. Chiều dài các cỡ 150cm, 140cm, 75cm. Đã tiết trùng, không gây sốt. Đạt TC ISO 13485:2016, TC EC.

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
77	Dây oxy 2 nhánh	Cái	30.000	Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gong mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.3 m, lòng ống có khóa chống gấp. - Đóng gói 1cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014
78	Dây thở oxy (Dây nối oxy)	Cái	6.000	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 2.000mm, thành trong lòng ống dây có hình sao, có tác dụng trống không bị tắc nghẽn khi oxy khi ống dây bị đè bẹp hay bị gãy gấp, hai đầu dây được gắn phễu. Mỗi dây được đóng vào 01 túi.
79	Dây truyền dịch	cái	300.000	Dây truyền dịch dài 1500 mm (± 10mm), ID: 2.75mm(± 0.05mm), OD: 3.80mm(± 0.05mm) cực trơn có đầu kết nối Luer lock ABS trong suốt, chắc chắn an toàn, Kim chai: 28mm ± 1mm, chiều dài từ cổ kim chai đến lỗ mắt 15mm, OD 5.6mm ± 1mm, ID: 5.2mm ± 1mm. Thiết kế bầu đếm giọt và đầu cắm vào chai dịch chuyển là loại được đúc nguyên khối và vô khuẩn tốt, bầu đếm giọt trong suốt có gắn liền cổng thông khí với màng lọc khuẩn hydrophobic không cho dịch đi qua. Cổng chữ Y để tiêm thuốc bằng chất liệu Isoprene không chứa latex, dài 300mm tránh đầu kim tiêm chọc ra ngoài. Đầu lọc chất liệu BOF (ABS+MB+ nylon), đầu cuối dây có đầu kết nối luerlock bằng chất liệu ABS trong suốt và nút chặn dịch chất liệu (PP+MB) ở cuối đường truyền. tương thích sử dụng với các loại máy truyền dịch đang sử dụng tại bệnh viện
80	Dây truyền máu	cái	60.000	Dây truyền máu có kim 19G, có bầu đếm giọt 2 ngăn hình trụ, bộ lọc 200 micron, dây dài 150 cm chống xoắn, đầu ghim vào túi máu khí, không rò rỉ, tốc độ ≥ 20 giọt/ml. Đường kính: ID 2.75 mm, OD 3.8 mm, chất liệu dây và bầu đếm giọt PVC không gây sốt, không độc. Tiệt trùng bằng EO. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016 hoặc tương đương.
81	Đè lưỡi gỗ vô khuẩn	cái	30.000	Sản xuất bằng gỗ tự nhiên, dùng trong y tế, đã tiệt trùng.
82	Điện cực dán	Cái	90.000	Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Đầu giắc nối với máy: kim loại phủ bạc, truyền tín hiệu chất lượng cao nhất. - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân.
83	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Can	1.000	Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2). Vi khuẩn: EN 14561. Nấm, mốc: EN 14562. Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563. Quy cách: Can ≥ 5L
84	Dung dịch làm sạch dụng cụ	Chai	1.500	Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế chứa thành phần: Enzyme Protease subtilisin 5,0% (w/w). Quy cách: Chai ≥ 1 lít
85	Dung dịch làm sạch khử khuẩn bước đầu dụng cụ y tế	Chai	1.200	Thành phần: Didecylmethylammonium chloride 7.5% (w/w); Polyhexamethylene Biguanide Hydrochloride 1.5% (w/w), Các enzyme (protease, lipase, amylase); chất hoạt động bề mặt nonionic; chất ức chế ăn mòn và các chất phụ gia vừa đủ 100%.
86	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	can	500	Thành phần tối thiểu gồm: Chlorhexidine digluconate 2,0 %. Đóng gói: can ≥ 5 l. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
87	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chai	7.740	Thành phần: Chlorhexidine digluconate 0,5%, Ethanol 80%, Isopropyl Alcohol 7,2 %. Quy cách ≥ 500ml/chai.
88	Dung dịch tẩy rửa 5 enzyme	can	240	Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, có thể sử dụng cho máy rửa khử khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930, 15883 hoặc tương đương. Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa). pH = 6.8-7.3, Thời gian: từ 5 phút. Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau. Can 5 lít
89	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzym	Chai	100	Thành phần tối thiểu gồm: $\leq 5\%$ chất hoạt động bề mặt không ion và anion, có chứa Enzymes (protease). PH dung dịch: 10,4-10,8 (2-10ml/l, dựa vào nước khử ion, 20 độ C). Độ nhớt: <10 mPas (dung dịch đặc, 20 °C). Đạt chứng chỉ ISO 13485.

STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
90	Dung dịch xịt khuẩn bề mặt và dụng cụ	Chai	500	Thành phần: Didecyldimethylammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%.. Chai ≥ 750ml
91	Gạc lưới vô trùng chống dính 10cm x12cm	Miếng	9.000	Gạc lưới vô trùng chống dính bao gồm các phần tử hydrocolloid, vaseline, các polymer kết dính và muối bạc. Hàm lượng bạc sulfat: 0.50 +/- 0.12 mg/cm ² (0.38 - 0.62 mg/cm ²). Kích thước ≥ 10cm x12cm. Tiêu chuẩn: ISO13485; CE
92	Gạc phẫu thuật nội soi 7,5 x 7,5	miếng	19.470	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước < 5 giây. Độ ngậm nước ≥ 5gr nước/1gr gạc. Độ ẩm: 5-6.5%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Độ pH: trung tính. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP hoặc tương đương.
93	Găng khám dài	cái	240.000	Găng tay được làm từ chất liệu cao su tự nhiên có phủ bột, nhám đầu ngón tay. Chiều dài tối thiểu 280mm; Có độ đàn hồi và độ bền cao. Có độ dai, không rách, độ giãn đứt theo tiêu chuẩn quy định. Chiều rộng: cỡ XS (70mm ± 10); S (80mm ± 10); M (95mm ± 10); L (111mm ± 10); XL ≥ 111mm. Độ dày ngón tay tối thiểu khoảng 0,08mm, độ dày lòng bàn tay tối thiểu khoảng 0,08mm; Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm ² . Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485
94	Găng khám ngắn	Cái	960.000	Găng tay được làm từ chất liệu cao su tự nhiên có phủ bột, nhám đầu ngón tay. Chiều dài tối thiểu 240mm; Có độ đàn hồi và độ bền cao. Có độ dai, không rách, độ giãn đứt theo tiêu chuẩn quy định. Chiều rộng: cỡ XS (70mm ± 10); S (80mm ± 10); M (95mm ± 10); L (111mm ± 10); XL ≥ 111mm. Độ dày ngón tay tối thiểu khoảng 0,08mm, độ dày lòng bàn tay tối thiểu khoảng 0,08mm; Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm ² . Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485
95	Găng sản khoa	Cái	7.200	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da.Chưa tiệt trùng. Có độ đàn hồi và độ bền cao. Có độ dai, không rách, độ giãn đứt theo tiêu chuẩn quy định. Có cỡ 7.0-7.5. Chiều dài tối thiểu 450mm, chiều rộng lòng bàn tay size 7: 89±5mm, 7.5: 95 ± 5 mm; TCVN 6344 (ISO 10282:2014). Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.
96	Găng tiệt trùng	Cái	240.000	Là găng tay phẫu thuật tiệt trùng, có bột. Chất liệu cao su. Có độ đàn hồi và độ bền cao. Đủ các kích cỡ: 5.5; 6.0; 6.5; 7.0; 7.5; 8.0; 8.5; 9; Chiều rộng: (5.5: 72± 4mm; 6: 77± 5mm; 6.5: 83 ± 5mm; 7.0: 89 ± 5mm; 7.5: 95 ± 5mm; 8.0: 102 ± 6mm; 8.5: 108± 6mm; 9: 114± 6mm;). Đóng gói mỗi túi/ 1đôi riêng biệt có phân biệt trái phải. Chiều dài tối thiểu 280mm. độ dày tối thiểu 0,1 mm. Hàm lượng bột < 10mg/dm ² . . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA, CE...
97	Găng vệ sinh	Cái	2.400	Găng tay cao su tự nhiên, dài tối thiểu 45 mm. Lòng bàn tay có các đường vân hoa văn chống trơn, dễ mang.
98	Gel bôi trơn	Tube	2.400	Gel bôi trơn tiệt khuẩn, trọng lượng 82g. Không gây kích ứng da... Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn không độc hại, không có mùi.
99	Giấy điện tim 3 cần	cuộn	200	Giấy điện tim 3 cần dùng cho máy Nihon Koden, Fukuda Denshi, Newtech 1503-Neu Cardio E3, ...(sọc cam). Kích thước ≥ 63mm x 30m
100	Giấy điện tim 6 cần	Tập	1.500	Kích thước: 110mm x 140mm x 143 tờ/ Tập
101	Giấy in monitor sản khoa	Tập	900	Kích thước: 150 mm x 100 mm x 150 tờ/ tập, dùng cho máy Monitor theo dõi sản khoa
102	Giấy in nhiệt	Cuộn	420	Kích thước: 57mm x 30m; Chất liệu bằng giấy trắng in nhiệt dùng cho in máy sinh hóa, huyết học, nước tiểu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.
103	Giấy in siêu âm đen trắng	Cuộn	3.000	Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony. Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. Kích thước 110 mm x 20 m. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương
104	Hemo Clip xoay 360 độ	Cái	310	Chiều dài làm việc 1650mm; 1950mm; 2300mm. Tương thích với đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2,8mm. Độ mở góc ≥115 độ. Đường kính 9mm, 11mm, 13mm,16mm

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
105	Huyết áp cơ	Cái	500	Tiêu chuẩn kỹ thuật : Đồng hồ đo áp lực hiển thị kim tiêu chuẩn cho người lớn, mặt đồng hồ màu trắng, chữ số màu đen, có hiển thị khoảng huyết áp thông thường, đường kính đồng hồ 50mm nhỏ gọn, có kẹp gài thuận tiện cho thao tác khi đo - Lưu lượng bơm của đồng hồ (khoảng đo) : 20 ~ 300mmHg - Độ chính xác(sai số) : ± 3 mmHg - Hệ thống bơm bằng cao su, quả bóp có van chắc chắn, dễ vận hành
106	Khăn lau máy tiết trùng	Hộp	240	Thành phần sát khuẩn gồm muối amoni bậc 4, cồn ethanol. Ít ăn mòn vật liệu nhựa và kim loại. Kích thước: 150x300mm
107	Khẩu trang giấy 3 lớp tiết trùng	cái	90.000	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng: 2 lớp ngoài vải không dệt, Lớp vi lọc ở giữa (lớp màng lọc khuẩn) có tác dụng ngăn các giọt bắn, lọc bụi, vi khuẩn, đóng vai trò quan trọng nhất. Yêu cầu đối với lớp vi lọc là thấu khí, không thấm nước, 1 thanh tựa mũi: Bằng nhựa 100% nguyên chất hoặc kẽm bọc nhựa, 2 dây đeo tai: bằng sợi polyester và spandex, độ co giãn tốt. Màu sắc đồng đều, không loang bầm. Sản phẩm chứa trong bao bì giấy tiết trùng dùng trong y tế. Tiết trùng bằng EO.Gas. Đạt theo tiêu chuẩn TCVN 8389-1:2010. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP hoặc tương đương.
108	Khẩu trang y tế	Cái	400.000	Khẩu trang ≥ 4 lớp bao gồm: Lớp ngoài và lớp trong cùng: làm từ 3 lớp vải không dệt chất liệu tối thiểu từ PP (Polypropylene) chống thấm hút có định lượng từ 30gsm trở lên. Lớp giữa là 1 lớp vi lọc kháng khuẩn Meltblown Nonwoven Fabric có độ lọc khuẩn cao đến 99,9%, có định lượng từ 25gsm trở lên. Sản phẩm có hiệu suất lọc đối với sương dầu ở chế độ thổi khí 30 L/min, không nhỏ hơn 90%, trở lực hô hấp không lớn hơn 9 mmH ₂ O. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016
109	Khí CO2	Chai	300	Thể tích nén vào bình chứa: 40L Áp suất làm việc: 150bar Áp suất thử: 250bar. Bình chứa đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.
110	Khí Nito tinh khiết	Chai	180	Khí Nito tinh khiết . Chai/ Bình ≥ 40 L Bình chứa chuyên dụng
111	Khí sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh	Bình	3.000	Sử dụng cho máy phát tia Plasma lạnh hỗ trợ điều trị vết thương, sau phẫu thuật * Thành phần: Argon độ tinh khiết tuyệt đối. H ₂ O < 3 ppm; N ₂ < 5 ppm; Oxygen < 2ppm * Bình chứa: Bình hợp kim nhôm dung tích ≥ 8 l - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 hoặc tương đương
112	Khóa 3 chạc không dây nối	cái	60.000	Khóa 3 chạc có đầu khóa luer lock. Chất liệu thân khóa polycarbonate trong suốt, kháng lipid, núm xoay bằng PE + MB bền bỉ. Chịu được áp lực đến 10kg/cm ² .Thể tích tồn đọng tối thiểu ≤ 0.20 ml. Tốc độ: Theo tiêu chuẩn ISO 10555
113	Khóa ba chạc có dây nối	Cái	18.000	Khóa 3 đường phù hợp với các yêu cầu cần thiết của các tiêu chuẩn MDD 93/42/EEC. Có 2 lỗ thông trong và 1 lỗ thông ngoài. Có van bấm khi dừng chính xác tại mỗi vị trí để đảm bảo độ chính xác. Quay 360 độ.Có nắp, có vỏ và khóa xoay. Được tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016...hoặc tương đương
114	Kim bướm người lớn	bộ	60.000	Có các số 18- 25G. Đầu nối, được làm bằng nhựa trong y tế cao cấp ABS. Nắp đầu nối, nắp dây kim và cánh bướm được làm bằng nhựa y tế cao cấp PE. Dây dài 30cm nguyên liệu PVC y tế cao cấp, kim sắc làm từ thép không gỉ, nòng kim có thành mỏng, đầu góc xiên vát ngăn giúp lấy ven dễ dàng. Đóng gói 1bộ/túi. Tiết trùng bằng khí EO.
115	Kim bướm nhi	bộ	15.000	Đầu nối, được làm bằng nhựa trong y tế cao cấp ABS. Nắp đầu nối, nắp dây kim và cánh bướm được làm bằng nhựa y tế cao cấp PE. Dây dài 30cm nguyên liệu PVC y tế cao cấp, kim sắc làm từ thép không gỉ, nòng kim có thành mỏng, đầu góc xiên vát ngăn giúp lấy ven dễ dàng, đầu kim vát 3 cạnh giúp tiêm sắc ngọt. Khử trùng bằng khí EO. Dùng được với tất cả các loại Bộ dây truyền dịch
116	Kim buồng truyền	Cái	660	Kim truyền buồng tiêm (Bộ dây kim cong cánh bướm) 20G*3/4 sử dụng cho việc truy cập vào hệ thống buồng tiêm cấy dưới da. Thành phần chính gồm 1 ống nhỏ bằng chất dẻo một đầu gắn kim và đầu kia gắn với một đầu nối hỗ trợ và nắp bảo vệ đầu nối hỗ trợ, đoạn giữa có van đóng mở có công tiêm thuốc chữ Y. Ống dây và đầu nối được làm từ nhựa PVC. Kích thước đầu nối phù hợp. Kim tiêm đầu kim sắc nhọn cong 90 độ, làm từ thép không gỉ 304 SS phù hợp. Van đóng mở được làm từ nhựa PP. Nắp đầu nối hỗ trợ được làm từ nhựa PE. Có chứng nhận chất lượng CE hoặc tương đương.
117	Kim châm cứu	Cái	120.000	Chiều dài kim từ 13-100mm. Kim châm cứu đốc đồng. Thân kim tối thiểu sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Vô trùng. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương. Hộp 10 cái 100 cái 100 cái.

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
118	Kim chích máu	cái	38.700	Đầu kim làm bằng thép không rỉ vát ba đầu sắc nhọn, dùng với bút chích máu, giúp lấy máu không đau. Tiệt trùng bằng tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương
119	Kim chọc dò tủy sống	Cái	24.000	Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài 40-88mm, cỡ kim G18/ G20/ G22/ G25/ G27, sắc bén. Chuôi kim trong suốt, có lăng kính phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016
120	Kim gây tê đám rối	Cái	1.300	Kim 20G dài 100mm, 22G dài 50mm được khắc chữ "X" xung quanh thân kim để tối đa hóa độ cản âm, mặt vát 30 độ, cách điện, thân kim có chia vạch. Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc. Có dây dẫn điện đồng được với máy kích thích thần kinh.
121	Kim lấy thuốc, lấy máu	Cái	750.000	Kim sắc. Tiệt trùng bằng khí EO. Không gây sốt, không độc tố. Dùng để lấy thuốc, lấy máu.
122	Kim luồn Nhi G24 tiêm truyền	Cái	9.000	Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau: catheter nhựa: có 4 đường cản quang ngầm. Vật liệu FEP-Teflon. Màng kỵ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. Độ dài Trim Length ≤ 1 mm, đảm bảo lực tác động và giảm đau cho người bệnh. Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ. Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2012, Chứng nhận CE hoặc tương đương.
123	Kim luồn tĩnh mạch có cửa có cánh	cái	300.000	Chất liệu FEP –Teflon chống vận xoắn có bề mặt trong và ngoài cực nhẵn giúp giảm thiểu đau và cho dòng chảy ổn định. Đầu catheter thuận đối giúp dễ dàng đi qua da và thành mạch. Giảm thiểu đau khi đặt kim. Kim được cắt vát 3 lần cực sắc với 2 mặt vát giúp thâm nhập êm nhẹ. Kim có cánh và có cửa bơm thuốc, thời gian lưu kim đến 72h. Các cỡ với các màu khác nhau: 24G (O.D: 0.70 x 19 mm, 20ml/min): màu vàng; 22G (O.D: 0.9 x 25 mm, 31ml/min): màu xanh nước biển; 20G (O.D: 1,10 x 32 mm, 55ml/min): màu hồng; 18G (O.D: 1,3 x 45 mm, 90ml/min): màu xanh lá cây; 16G (O.D: 1,72 x 45 mm, 180ml/min): màu xám; 14G x 1-1/4" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam.
124	Kim luồn tĩnh mạch dạng bút	cái	30.000	Kim luồn tĩnh mạch dạng bút chất liệu FEP. Có 3 vạch cản quang ở trong lòng catheter. Đầu kim có 3 mặt vát, không chứa DEHP, PVC, sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE). Có khả năng lưu kim được ≥ 96 h. Tương thích với tiêm truyền áp lực cao tối đa lên đến 325psi. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Thân catheter không chứa kim loại, sử dụng được trong phòng MRI. Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc nhựa. Đạt tiêu chuẩn UNI EN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015). Có bầu tắm lọc xốp ở chuôi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. Các cỡ với các màu khác nhau, để phân biệt: 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh nhạt; 20G x 1- 1/4" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1-3/4" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): xanh lá; 16G x 1-3/4" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1-3/4" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam
125	Kim nha	Cái	3.000	Cờ kim: 27G- Chiều dài kim: 21mm. Đầu kim sắc bén, có độ bền cao, cố định đáng tin cậy, Chỉ báo mặt vát kim, đóng gói riêng biệt. Tiệt trùng bằng etylen dioxit. Vật liệu: Kim: không gỉ, ống: PP
126	Kim sinh thiết dạ dày, đại tràng (có kim định vị, cốc có răng cưa), kim làm test Hp	Cái	400	Phù hợp với kênh dây soi 2.8mm. Chiều dài kim: 1600mm; 1800mm; 2000mm; 2300mm; độ mở miệng kim ≤ 110 độ. Thân kim bằng thép không gỉ, không vỏ bọc/ có vỏ bọc. Ngàm hình oval hoặc ngàm cá sấu, có hoặc không có kim.

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
127	Kít thu nhận tiểu cầu đôi	bộ	800	Bộ thu nhận tiểu cầu bao gồm các phần ghép kín với nhau sẵn sàng sử dụng, vô trùng. Bộ kít có sẵn bầu ly tâm $\geq 225\text{ml}$. Cung cấp túi chống đông chứa ACD thể tích $\geq 500\text{ml}$. Lượng bạch cầu tồn dư trong khối tiểu cầu nhỏ hơn 1×10^6 , phát hiện lượng bạch cầu bằng sensor. Có bộ phận lọc bọt khí trong quá trình truyền máu và trả máu về. Túi lấy mẫu máu cho xét nghiệm sàng lọc kèm bộ phận lấy mẫu chân không. Hiệu suất tiểu cầu thu nhận: $\geq 6 \times 10^{11}$. Thể tích khối tiểu cầu gạn tách $500\text{ml} \pm 50\text{ml}$.
128	Kít thu nhận tiểu cầu đơn	Bộ	720	Bộ thu nhận tiểu cầu ghép kín với nhau sẵn sàng sử dụng, vô trùng. Bộ kít có sẵn bầu ly tâm $\geq 225\text{ml}$. Một túi chống đông chứa ACD thể tích $\geq 500\text{ml}$. Lượng bạch cầu tồn dư trong khối tiểu cầu nhỏ hơn 1×10^6 , phát hiện lượng bạch cầu bằng sensor. Có bộ phận lọc bọt khí trong quá trình truyền máu và trả máu về. Túi lấy mẫu máu cho xét nghiệm sàng lọc kèm bộ phận lấy mẫu chân không. Hiệu suất tiểu cầu thu nhận: $\geq 3 \times 10^{11}$. Thể tích khối tiểu cầu gạn tách $250\text{ml} \pm 25\text{ml}$.
129	Lam kính (đầu mài)	Hộp	5.000	Nguyên liệu: Kính soda vôi đạt chuẩn. Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") $\pm 1\text{mm}$. Hộp 72 chiếc
130	Lamen 22 x 22mm	Hộp	300	Làm bằng thủy tinh siêu trong suốt (borosilicate), có đặc tính quang học lý tưởng, ổn định, cấu trúc phân tử, độ phẳng đồng nhất và kích thước đồng nhất. Ứng dụng được trong mô học, tế bào học, phân tích nước tiểu và vi sinh. Kích thước (22x22) mm. Hộp ≥ 200 cái
131	Lọ đựng bệnh phẩm có nắp	Lọ	11.400	* Lọ nhựa tối thiểu từ PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ..., dung tích 55 ml. * Kích thước: chiều cao 60 mm, đường kính 36 mm. * Độ pH trung tính, có độ trơn láng cao. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016
132	Lưỡi dao mổ các số	Cái	24.000	Lưỡi dao được thiết kế để cắt và chọc thủng mô, vật liệu thép carbon cho hiệu suất chính xác. Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ số 3 và 4.
133	Mask bóp bóng ampu các cỡ	Cái	500	Có các cỡ từ 0-5. Có vòng nhiều màu sắc để phân biệt các kích cỡ. Phần đệm ôm sát mặt có van 1 chiều điều chỉnh được. Tiệt trùng.
134	Mask thở oxy có túi	Cái	7.200	Ống dây lumen sáng có thể đảm bảo dòng chảy oxy thậm chí khi ống dây bị xoắn, có nhiều loại chiều dài lựa chọn. Xoáy vòng để đảm bảo độ vừa vặn với cái đệm. Nhựa PVC mềm, trong giúp cho bệnh nhân thoải mái và tiếp cận được hình ảnh. Sản phẩm màu xanh lá trong suốt hoặc màu trắng trong suốt.
135	Mặt nạ xông khí dung	Cái	9.000	Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2.1\text{m}$, lồng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. Các cỡ: S, M, L, XL. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014.
136	Miếng cầm máu mũi 8cm x 1.5cm x 2cm	Miếng	700	Kích thước 8cm x 1,5cm x 2cm. Thành phần: Hydroxilated Poly - Vinyl Acetate, khả năng thấm hút tốt khi ở trong chất lỏng. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương
137	Miếng dán cố định kim luồn	Cái	90.000	Băng Polyurethane (P.U) 6.7cm x 10cm hình oval, không chứa Latex, trong suốt, không thấm nước, dễ dàng theo dõi vùng dán băng. Độ bền kéo 2.0kg/12mm $\pm 200\text{g}$, đường xé rãnh 7mm x 25mm chuyên dùng cố định kim luồn. Phù keo Acrylic độ dính 440g/12mm $\pm 30\text{g}$ an toàn cho mọi loại da. Tiệt trùng từng miếng bằng ethylene oxide (E.O Gas). Có chứng nhận chất lượng CE hoặc FDA hoặc tương đương.
138	Mỡ siêu âm	Lít	1.680	Gel siêu âm, Gel điện tim phù hợp tần số siêu âm đang sử dụng, phù hợp điện cực máy điện tim, điện não.
139	Mô vệt inox cỡ nhỏ, trung, đại	cái	30	Mô vệt loại nhỏ, trung, đại. Chất liệu thép không gỉ.

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
140	Mỏ vệt nhựa	cái	3.870	Mỏ vệt phụ khoa được sản xuất từ nhựa nguyên sinh có màu trắng trong, trơn, nhẵn bóng, có khóa điều chỉnh độ mở. Mỗi cái/01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.
141	Mũ giấy phẫu thuật (vỏ trùng)	Cái	144.000	Vải không dệt tối thiểu từ polypropylen. Màu xanh đồng đều, không loang lổ, ko dính tạp chất. Không kích ứng da. Quy cách: 1 cái/ gói, 100 cái/ bịch Độ co giãn tốt. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; chứng nhận GMP
142	Mũ giấy phẫu thuật thường	cái	100.000	Vải không dệt không hút nước $\geq 14g/m^2$ và dây thun đôi. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016; ISO 9001:2015...
143	Nhiệt kế thủy ngân	cái	600	Sản phẩm có Phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch. Dùng để đo nhiệt độ cơ thể.
144	Nitơ lỏng	Lít	42.600	Nitơ y tế dạng lỏng, đơn vị cung cấp nạp trực tiếp vào bình chứa chuyên dụng
145	Ống nghiệm chân không EDTA K3	Ống	360.000	Ống đựng máu chân không Chất liệu ống bằng nhựa PET mới 100% Kích thước: 13x75mm Kích thước thành ống $\geq 0,95mm$ Hóa chất EDTA K3 được phun sương dạng hạt sương trên thành ống. Nồng độ tối đa 2mg/ml. Có vạch lấy mẫu 4ml trên nhãn ống Tiệt trùng bằng chiếu xạ (tia Gamma) Đạt chứng nhận: CE (theo tiêu chuẩn IVDR), ISO 13485
146	Ống nghiệm EDTA K2	cái	150.000	Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp xanh dương, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, nắp đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho $\leq 2ml$ máu với vạch lấy mẫu $\leq 2ml$ riêng biệt trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.
147	Ống chống đông Heparin	Ống	288.000	Ống nghiệm nhựa tối thiểu từ PP 4ml (12 x 75mm). Đóng gói: 100 ống. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
148	Ống đựng nước tiểu có nắp	Cái	38.400	Ống đựng nước tiểu nhựa có nắp
149	Ống EDTA nút xanh	ống	150.000	Ống nghiệm được làm bằng chất liệu nhựa PVC, chứa chất chống đông EDTA nút xanh
150	Ống nghiệm lấy máu chân không chứa chống đông Sodium Citrate 3.2% 1,8ml	ống	90.000	Ống lấy máu chân không dạng vacutainer vô trùng. Chất chống đông Sodium citrate 3,2%. Ống cấu tạo 2 lớp. Chất liệu nhựa PP/PET. Có vạch chỉ thị lượng máu tối thiểu, vòng mờ 360 (Hoặc vạch tối thiểu bên trong lòng ống). Thể tích 1,8ml 13x75mm. Có ký hiệu V giúp hỗ trợ định hướng vị trí dán nhãn phụ.Ống thiết kế giảm thiểu tối đa khoảng không. Nắp thiết kế hai lớp, không có latex, Vô khuẩn bằng phương pháp chiếu xạ. Tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO 13485 và tương đương.
151	Ống nghiệm serum	Cái	57.600	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, chịu được lực quay ly tâm ≥ 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đỏ. Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định
152	Ống nghiệm thủy tinh	Cái	23.250	Chất liệu: Thủy tinh trung tính. Kích thước: đường kính: 12mm, chiều dài ống: 80mm
153	Ống nội khí quản	Cái	15.000	Được làm từ nhựa PVC cao cấp, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lá, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn $\geq 15mm$, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các cỡ: 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150, 151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177, 178, 179, 180, 181, 182, 183, 184, 185, 186, 187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 207, 208, 209, 210, 211, 212, 213, 214, 215, 216, 217, 218, 219, 220, 221, 222, 223, 224, 225, 226, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 235, 236, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262, 263, 264, 265, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 324, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 337, 338, 339, 340, 341, 342, 343, 344, 345, 346, 347, 348, 349, 350, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 373, 374, 375, 376, 377, 378, 379, 380, 381, 382, 383, 384, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 425, 426, 427, 428, 429, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 512, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 524, 525, 526, 527, 528, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 555, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 585, 586, 587, 588, 589, 590, 591, 592, 593, 594, 595, 596, 597, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 606, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 654, 655, 656, 657, 658, 659, 660, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 667, 668, 669, 670, 671, 672, 673, 674, 675, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 684, 685, 686, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 710, 711, 712, 713, 714, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 722, 723, 724, 725, 726, 727, 728, 729, 730, 731, 732, 733, 734, 735, 736, 737, 738, 739, 740, 741, 742, 743, 744, 745, 746, 747, 748, 749, 750, 751, 752, 753, 754, 755, 756, 757, 758, 759, 760, 761, 762, 763, 764, 765, 766, 767, 768, 769, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 777, 778, 779, 780, 781, 782, 783, 784, 785, 786, 787, 788, 789, 790, 791, 792, 793, 794, 795, 796, 797, 798, 799, 800, 801, 802, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 812, 813, 814, 815, 816, 817, 818, 819, 820, 821, 822, 823, 824, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 839, 840, 841, 842, 843, 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 866, 867, 868, 869, 870, 871, 872, 873, 874, 875, 876, 877, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 896, 897, 898, 899, 900, 901, 902, 903, 904, 905, 906, 907, 908, 909, 910, 911, 912, 913, 914, 915, 916, 917, 918, 919, 920, 921, 922, 923, 924, 925, 926, 927, 928, 929, 930, 931, 932, 933, 934, 935, 936, 937, 938, 939, 940, 941, 942, 943, 944, 945, 946, 947, 948, 949, 950, 951, 952, 953, 954, 955, 956, 957, 958, 959, 960, 961, 962, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 970, 971, 972, 973, 974, 975, 976, 977, 978, 979, 980, 981, 982, 983, 984, 985, 986, 987, 988, 989, 990, 991, 992, 993, 994, 995, 996, 997, 998, 999, 1000

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
154	Ống thổi cho máy đo chức năng hô hấp	Cái	23.100	Chất liệu: Giấy, dùng 1 lần. Sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp
155	Oxy khí y tế bình nhỏ	chai	12.000	Oxy khí y tế (bình/ chai ≥ 5 lít) bình chứa chuyên dụng
156	Oxy khí y tế bình to	Bình	450	Oxy khí y tế (bình/ chai ≥ 40 lít) bình chứa chuyên dụng
157	Oxy lỏng y tế	Kg	900.000	Oxy lỏng y tế, đơn vị cung cấp nạp trực tiếp vào bình chứa chuyên dụng
158	Parafin (dầu vô trùng)	Ông	30.000	Parafin (dầu vô trùng) ống 5ml, dùng phục vụ cho sát khuẩn dụng cụ y tế
159	Huyết áp điện tử	Cái	30	• Màn hình LCD, có đèn chiếu sáng • Công nghệ đo: Đo dao động • Phương pháp đo: Phương pháp bơm hơi động lực học tuyến tính • Phạm vi hiển thị huyết áp: Từ 0-300 mmHg • Độ chính xác huyết áp hiển thị: ± 3 mmHg • Phạm vi đo huyết áp không xâm lấn: Huyết áp tâm thu: 60-250 mmHg, Huyết áp tâm trương: 40-200 mmHg, Nhịp tim: 40-200 lần/phút • Độ chính xác huyết áp không xâm lấn: Lỗi đo tối đa ± 5 mmHg, độ lệch chuẩn tối đa: ± 8 mmHg.
160	Tấm trải nylon vô trùng (100x130cm)	Cái	3.800	Thành phần chính: túi nylon PE hoặc PP, chống thấm nước. Kích thước: 100x130cm. Đóng gói: Tiệt trùng từng cái
161	Dầu soi kính	Lít	50	Với chất lượng cao cho góc chiết quang tốt nhất cho quan sát ở vật kính 100X.
162	Que lấy bệnh phẩm	Cái	15.300	Dùng để lấy mẫu bệnh phẩm. Tiệt trùng từng chiếc.
163	Sản phẩm chống dính trong phẫu thuật 2.5ml	Hộp	2.400	Sản phẩm chứa sẵn: 2,5ml Gel natri hyaluronate được tiệt trùng, hàm lượng 10mg/ml. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE,... Tự tiêu trong vòng 7 ngày. Hạn sử dụng ≥ 24 tháng
164	sản phẩm chống dính trong phẫu thuật 5ml	Hộp	2.400	Sản phẩm chứa sẵn: 5ml Gel natri hyaluronate được tiệt trùng, hàm lượng 10mg/ml. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, CE,... Tự tiêu trong vòng 7 ngày. Hạn sử dụng ≥ 24 tháng
165	Sáp Bone	Cái	1.728	Sáp cầm máu dùng cho xương Bone wax là hỗn hợp tiệt trùng gồm sáp ong trắng (80%) và isopropyl palmitate (20%). Mỗi gói chứa 2,5g sáp tiệt trùng. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả.
166	Sonde dạ dày	Cái	24.000	Ống thông dạ dày các cỡ 5Fr-18Fr. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc dạ dày.
167	Sonde dẫn lưu ổ bụng silicon	Cái	1.200	Sonde dẫn lưu silicon cỡ: 3x1mm; 4x1mm; 5x1mm; 6x1 mm
168	Sonde Foley 2 nhánh	Cái	25.500	Được làm bằng cao su không độc tố, trắng silicon. Kích thước đầu tip ngắn: 15-24mm giảm kích thích bàng quang, độ mở của lòng ống bên trong cho phép quan sát vị trí bóng và theo dõi lượng dịch bên trong của ống thông. Van mềm. Tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương
169	Sonde Foley 3 nhánh	Cái	8.000	Được làm bằng Cao su không độc tố, trắng silicon. Cấu tạo 3 nhánh. Tốc độ dòng chảy cao để tối đa hóa khả năng tưới, thoát nước. Độ mở của lòng ống bên trong cho phép quan sát vị trí bóng và theo dõi lượng dịch bên trong của ống thông. Kích thước đầu tip ngắn: 21-24mm giảm kích thích bàng quang, chiều dài tổng thể: ≥ 400 mm, chiều dài phễu: ≥ 40 mm, dung tích bóng chèn: 30ml. Van cứng. Tiệt trùng bằng chiếu xạ Gamma. Đóng gói 2 lớp chắc chắn. Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương

	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
170	Sonde JJ	Cái	1.500	Sonde có hai đầu cong đặt trong niệu quản, có lớp phủ Polyurethane kháng tia bức xạ, được sử dụng để thoát dịch tạm thời từ khúc nối bể thận- niệu quản đến bàng quang, chiều dài 26cm±1, đường kính các cỡ 3F, 4F, 5F, 6F, 6.5F, 7F, 8F. Mỗi sản phẩm được đóng gói trong 01 túi nilon tiệt trùng. Lưu an toàn trong cơ thể lên đến 6 tháng.
171	Sonde Nelaton	Cái	12.000	Ống PVC chống xoắn, mềm mại và mờ. • Đầu ống đóng kín, tròn, mềm không gây tổn thương
172	Tăm bông tiệt trùng	cái	24.000	Chất liệu: ống, nắp, bằng nhựa, que bằng nhựa, đầu cotton, chiều dài 175mm. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Được sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu
173	Tăm bông vô khuẩn	Cái	11.400	Que tăm bông được tiệt trùng, đựng trong mỗi ống nhựa có nắp đậy kín. Đường kính ống ≥13mm, chiều dài ≥ 15cm. Thân que được làm bằng gỗ, một đầu gắn chặt với nắp ống, 1 đầu cuốn bông. Nắp ống được làm bằng nhựa PP chính phẩm. Sản phẩm sử dụng một lần.
174	Tăm bông vô trùng lấy bệnh phẩm	Que	23.100	Chất liệu: ống, nắp, que bằng nhựa/gỗ, đầu cotton, chiều dài 175mm±5. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để thu thập, lưu trữ, truyền mẫu vật. Sử dụng rộng rãi trong nha khoa, da liễu, phụ khoa, tiết niệu và các mẫu bệnh phẩm khác.
175	Tay dao hàn mạch dạng kéo	Cái	20	Tiêu chuẩn: Tay dao hàn mạch mổ mở, hàm thon nhọn, hàm phủ chống dính, chiều dài 21 cm (sử dụng cho máy Valleylab FT10)
176	Tay dao hàn mạch dùng cho mổ mở	Cái	20	Tiêu chuẩn: Tay dao hàn mạch mổ mở hàm phủ chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 23cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ (sử dụng cho máy Valleylab LS10, Valleylab FT10, Forcetriad)
177	Tay dao hàn mạch dùng cho mổ mở nội soi	Cái	20	Tiêu chuẩn: Tay dao hàn mạch mổ nội soi hàm phủ chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 37 cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ (sử dụng cho máy Valleylab LS10, Valleylab FT10, Forcetriad)
178	Tay dao siêu âm mổ mở (5in*13cm)	Cái	20	Tay dao siêu âm mổ mở, đầu cong, chiều dài thân dao ≤13cm, đường kính thân dao 5mm (Sử dụng cho dao siêu âm không dây Sonicision)
179	Tay dao siêu âm mổ mở (5in*26cm)	Cái	20	Tay dao siêu âm mổ mở, đầu cong, chiều dài thân dao ≤26cm, đường kính thân dao 5mm (Sử dụng cho dao siêu âm không dây Sonicision)
180	Tay dao siêu âm mổ nội soi (5in*39cm)	Cái	20	Tay dao siêu âm mổ nội soi, đầu cong, chiều dài thân dao ≤39cm, đường kính thân dao 5mm (Sử dụng cho dao siêu âm không dây Sonicision)
181	Tay dao và lưỡi dao mổ điện cực	Cái	20	Tay dao mổ điện sử dụng một lần, đầu điện cực phủ lớp chất liệu tối thiểu từ polymer Elastomeric, chiều dài dây 3m, hộp đựng đi kèm.
182	Test nhanh chẩn đoán cúm	Test	9.000	Phát hiện kháng nguyên virus cúm A/B trong mẫu dịch mũi họng người: Thành phần của que thử: CỘNG HỢP VÀNG- kháng thể đơn dòng chuột kháng influenza A, CỘNG HỢP VÀNG- kháng thể đơn dòng chuột kháng influenza B, VẠCH THỬ 1: Kháng thể đơn dòng chuột kháng influenza A, VẠCH THỬ 2: Kháng thể đơn dòng chuột kháng influenza B, VẠCH CHỨNG: Kháng thể dê kháng IgG chuột, Màng Nitrocellulose, Đệm cỘNG HỢP, Đệm MẪU, Đệm HẤP THỤ; Thành phần thuốc thử: Tris-HCl, Triton X-100, Sodium azide, Độ NHẠY TƯƠNG ĐỐI: ≥ 93,0% (tuýp A), ≥ 91,2% (tuýp B); Độ ĐẶC HIỆU TƯƠNG ĐỐI: ≥ 98,1%(tuýt A); 100%(tuýt B) so với phương pháp RT-PCR, Không phản ứng chéo với: Coronavirus, Parainfluenza virus; RSV; Adeno Virus - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, GMP, CE và tương đương.

Tên hàng hóa		DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
183	Test nhanh chẩn đoán kháng nguyên viêm gan B	Test	4.050	Phát hiện kháng nguyên HBs trong huyết thanh, huyết tương người: Độ nhạy: 98.68%; Độ đặc hiệu: 99.8% so với phương pháp ELISA. Thành phần: CỘNG HỢP VÀNG - kháng thể đơn dòng chuột kháng HBsAg; Vạch thử: Kháng HBsAg; Vạch chứng: Kháng thể dễ kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm cộng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. Không phản ứng chéo với Dengue, syphilis, hCG, Rheumatoid factor (RF), HCV. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, GMP và tương đương. Giới hạn phát hiện: 2.0 ng/ml
184	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Test	3.000	Phát hiện kháng thể HCV trong huyết thanh, huyết tương người: Độ nhạy: 99.1%; Độ đặc hiệu: 100%. Thành phần: CỘNG HỢP VÀNG - kháng nguyên HCV tái tổ hợp (Lõi, NS3, NS4, NS5); Vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (Lõi, NS3, NS4, NS5); Vạch chứng: Kháng thể dễ kháng IgG heo; Màng Nitrocellulose; Đệm cộng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. Không có phản ứng chéo với Hbs, anti-R.Tsutsugamushi. Anti-HBs, Anti-HIV1/2, anti-T.Pallidum, anti-Hantaan virus. Giới hạn phát hiện: 2.0 s/CO. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, GMP và tương đương.
185	Test nhanh chuẩn đoán HIV 1/2	Test	3.150	Phát hiện kháng thể HIV loại 1 và loại 2 và các type phụ trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người: Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.75% so với phương pháp RT-PCR, Giới hạn phát hiện: 1.0 s/CO, Thành phần: CỘNG HỢP VÀNG - kháng nguyên HIV1/HIV2 tái tổ hợp; Vạch thử 1: Kháng nguyên HIV1 tái tổ hợp (p24, gp41); Vạch thử 2: Kháng nguyên HIV2 tái tổ hợp (gp36); Vạch chứng: Kháng thể dễ kháng tái tổ hợp HIV 1/2; Màng Nitrocellulose; Đệm cộng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. Không có phản ứng chéo với Antinuclear antibody, Hepatitis E virus, Rheumatoid factor (RF), hCG, Human anti-mouse antibody, Cytomegalovirus. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, GMP và tương đương.
186	Test nhanh chuẩn đoán sốt xuất huyết Dengue kháng nguyên	Test	2.250	Phát hiện kháng nguyên dengue virus NS1 trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người. Thành phần: CỘNG HỢP VÀNG - Kháng thể đơn dòng chuột kháng dengue NS1. Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng dengue NS1. Vạch chứng: Kháng thể dễ kháng IgG chuột. Màng Nitrocellulose. Đệm cộng hợp, Đệm mẫu, Đệm hấp thụ. Độ nhạy tương đối: $\geq 97.16\%$; Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 99.9\%$ so với phương pháp RT-PCR, Không phản ứng chéo với Chikungunya, Zika, Mayaro virus và Flavivirus. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, GMP và tương đương.
187	Test nhanh phát hiện RSV	Test	12.000	Phát hiện kháng nguyên RSV trong mẫu dịch mũi họng người. Độ nhạy: 98.1%; Độ đặc hiệu: $>99\%$. Thành phần: CỘNG HỢP VÀNG - kháng thể đơn dòng chuột kháng RSV; Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng RSV; Vạch chứng: Kháng thể dễ kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm cộng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. Giới hạn phát hiện: 8 HAU/ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, GMP và tương đương.
188	Test nhanh phát hiện Adeno virus	Test	6.000	Phát hiện chủng virus Adeno trong mẫu dịch mũi họng, mẫu phân người: Độ nhạy: 95.2%; Độ đặc hiệu: 96%, Thành phần: CỘNG HỢP VÀNG - kháng thể chuột kháng IgG virus Adeno; Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng virus Adeno; Vạch chứng: Kháng thể dễ kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm cộng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ. Giới hạn phát hiện: 1.0 s/CO. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, GMP và tương đương.
189	Test nhanh phát hiện hồng cầu trong phân	Test	150	Phát hiện vết máu trong mẫu phân người: Độ nhạy: 99.1%; Độ đặc hiệu: 98.5% so với phương pháp OC-HEMO catch light. Thành phần: CỘNG HỢP TÍM - kháng thể đơn dòng kháng Hemoglobin; Vạch thử: Kháng thể đơn dòng kháng Hemoglobin; Vạch chứng: Kháng thể dễ kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm cộng hợp; Đệm mẫu; Đệm thấm. Giới hạn phát hiện: 50 ng/ml. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, GMP và tương đương.
190	Test nhanh phát hiện kháng nguyên H.Pylori	Test	250	Phát hiện kháng nguyên H.pylori trong mẫu phân người: Độ nhạy: 96%; Độ đặc hiệu: 96.9% so với phương pháp EIA, Thành phần: CỘNG HỢP VÀNG - kháng thể đơn dòng chuột kháng helicobacter pylori; Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng helicobacter pylori; Vạch chứng: Kháng thể dễ kháng IgG chuột; Màng Nitrocellulose; Đệm cộng hợp; Đệm mẫu; Đệm hấp thụ, Tris buffer. Giới hạn phát hiện: 8ng/ml. Tiêu chuẩn: ISO 13485 và tương đương
191	Tinh dầu sả	Lít	120	Tinh dầu sả nguyên chất.
192	Túi camera vô trùng	Cái	20.000	Dây cotton màu trắng, có độ bền cao.Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, không rách, thủng, không kích ứng da...Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế.
193	Túi đựng nước tiểu	Cái	90.000	Được làm bằng vật liệu nhựa PVC -Có van chống trào ngược -Có lỗ treo, chiều dài dây ≥ 90 cm

	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
	Túi ép dẹt 10cm x 200m	Cuộn	600	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng hơi nước, EO, Formaldehyde. Cỡ 10cm x 200m
195	Túi ép dẹt 15cm x 200m	Cuộn	750	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng hơi nước, EO, Formaldehyde. Cỡ 15cm x 200m
196	Túi ép dẹt 20cm x 200m	Cuộn	750	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng hơi nước, EO, Formaldehyde. Cỡ 20cm x 200m
197	Túi ép dẹt 30cm x 200m	Cuộn	750	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng hơi nước, EO, Formaldehyde. Cỡ 30cm x 200m
198	Túi ép dẹt 7,5cm x 200m	Cuộn	150	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng hơi nước, EO, Formaldehyde. Cỡ 7,5cm x 200m
199	Túi ép phẳng 20cm x 100m	Cuộn	660	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng hơi nước, EO, Formaldehyde. Cỡ 20cm x 50mm x 100m
200	Túi ép phẳng 30cm x 100m	Cuộn	450	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng hơi nước, EO, Formaldehyde. Cỡ 30cm x 6cm x 100m
201	Túi ép phẳng 350mm x 100m	Cuộn	450	Cấu tạo gồm một mặt phim và mặt kia bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng hơi nước, EO, Formaldehyde. Cỡ 35cm x 8cm x 100m
202	Túi ép phẳng 40cm x 100m	Cuộn	450	Cấu tạo gồm một mặt phim và một mặt bằng giấy y tế. Chỉ thị chuyển màu phù hợp với phương pháp tiệt trùng hơi nước, EO, Formaldehyde. Cỡ 40cm x 8cm x 100m
203	Túi máu ba 350ml, loại Đinh-Đinh có dung dịch bảo quản CPD+SAG-M	Cái	12.000	Bộ túi máu vô trùng, dùng để thu thập và bảo quản thành phần máu, Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. Bộ phận lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá cố định ống nghiệm. Khóa kẹp trên đường ống lấy mẫu và thu thập máu. Van khóa dạng bẻ trên đường ống thu thập máu. Chiều dài đường ống thu thập máu: dài 1.100mm, trên đường ống có 12 đoạn mã số, Kích thước đường ống trên bộ túi: đường kính trong 3,0mm; đường kính ngoài 4,5mm. Hệ thống gồm 3 túi: Túi 1: Túi chứa 49ml dung dịch chống đông CPD, dùng để thu thập máu toàn phần; Dung tích lưu trữ: 350ml, Chất liệu túi: PVC-DEHP, Chiều dài đường ống từ túi 1 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số; Túi 2: Túi rỗng bảo quản thành phần máu: Dung tích: 350ml, Chất liệu túi: PVC-TOTM (bảo quản tiểu cầu lên đến 5 ngày), Chiều dài đường ống từ túi 2 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số; Túi 3: Túi chứa 78ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAGM, Dung tích: 350ml, Chất liệu túi: PVC-DEHP, Chiều dài đường ống từ túi 3 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số, Dung dịch SAGM giúp bảo quản khối hồng cầu lên đến 42 ngày ở 4oC ± 2oC

Mã hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
204	Cái	24.000	- Bộ túi máu vô trùng, dùng để thu thập và bảo quản thành phần máu - Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. - Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. - Bộ phận lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá cố định ống nghiệm. - Khóa kẹp trên đường ống lấy mẫu và thu thập máu - Van khóa dạng bẻ trên đường ống thu thập máu - Chiều dài đường ống thu thập máu: dài 1.100mm, trên đường ống có 12 đoạn mã số - Kích thước đường ống trên bộ túi: đường kính trong 3,0mm; đường kính ngoài 4,5mm - Hệ thống gồm 3 túi: a. Túi 1: Túi chứa 35ml dung dịch chống đông CPD, dùng để thu thập máu toàn phần. + Dung tích lưu trữ: 250ml + Chất liệu túi: PVC-DEHP + Chiều dài đường ống từ túi 1 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số b. Túi 2: Túi rỗng bảo quản thành phần máu + Dung tích: 250ml + Chất liệu túi: PVC-TOTM (bảo quản tiểu cầu lên đến 5 ngày) + Chiều dài đường ống từ túi 2 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số c. Túi 3: Túi chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAGM + Dung tích: 250ml + Chất liệu túi: PVC-DEHP + Chiều dài đường ống từ túi 3 đến chạc chữ Y nối ba túi: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số + Dung dịch SAGM giúp bảo quản khối hồng cầu lên đến 42 ngày ở 4°C ± 2°C
205	Túi	24.000	Bộ túi máu vô trùng dùng một lần, dùng trong thu thập và bảo quản thành phần máu: Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy, có bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu, Khóa kẹp trên đường ống thu thập máu, Chiều dài đường ống thu thập máu: dài 950mm, trên đường ống có 13 đoạn mã số, Kích thước đường ống trên bộ túi: đường kính trong 3,0mm; đường kính ngoài 4,5mm. Hệ thống gồm 1 túi: Túi chứa 35 ml dung dịch chống đông CPDA-1, dùng để chứa máu toàn phần, Dung tích lưu trữ: 250ml, Chất liệu túi: PVC-DEHP, Dung dịch CPDA-1 giúp bảo quản máu toàn phần lên đến 35 ngày ở 4°C ± 2°C, Sức bền ly tâm (Centrifugation resistance): 5000 g trong 10 phút, Sức bền áp lực (Pressure resistance): 0,7 kg/cm² trong 10 phút, Sức bền nhiệt độ (Thermal resistance): trong khoảng -80 độ C tới 37 độ C ± 2 độ C
206	Viên	180.000	Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium: Dạng viên sủi tan nhanh trong nước. Một viên ≥ 5g có thành phần tối thiểu gồm: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24% trọng lượng 1 viên. Dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm & gram dương. Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, pH: 5.0 - 6.5. Đạt tiêu chuẩn: ISO13485, CFS, GMP
207	Cái	40.000	Nguyên liệu nhựa nguyên sinh GPPS, trong suốt, không mùi, ngăn, tiết trùng
208	Cái	200.000	Là bộ phận kết nối giữa ống nghiệm chân không và kim lấy máu chân không Chất liệu: nhựa, Đóng gói: ≥100 cái

STT	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
209	Giấy in kết quả nội soi tại mũi họng	Tờ	20.000	Giấy in phun. Sử dụng rộng rãi trong in ảnh, Giấy được sử dụng bằng nguyên liệu cao cấp để sản xuất, đặc biệt là lớp phủ bột và giấy tạo nên chất lượng ảnh in cao, không bay màu, màu sắc rõ nét không nhòe mực, khô nhanh, chống ẩm, chống nước tốt, giữ màu bền. Giấy in ảnh màu kết quả nội soi khổ A4.
210	Ống đông máu 1ml	Cái	100.000	Thẻ tích lấy mẫu 1ml Chất liệu: nhựa Kích thước ống: 13mmx75mm Ống chứa dung dịch đệm trisodium citrate ở nồng độ 0,109 mol/L (3,2%). Tiêu chuẩn quốc tế ISO 13485 Đóng gói: ≥50 ống/khay

Ph

Ch